

Số: 3193 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kiến trúc Chuyển đổi số
tỉnh Thừa Thiên Huế phiên bản 1.0

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính
phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính
trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công
nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-
NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính
sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định
hướng đến năm 2030";*

*Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử
hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy
chuyển đổi số quốc gia;*

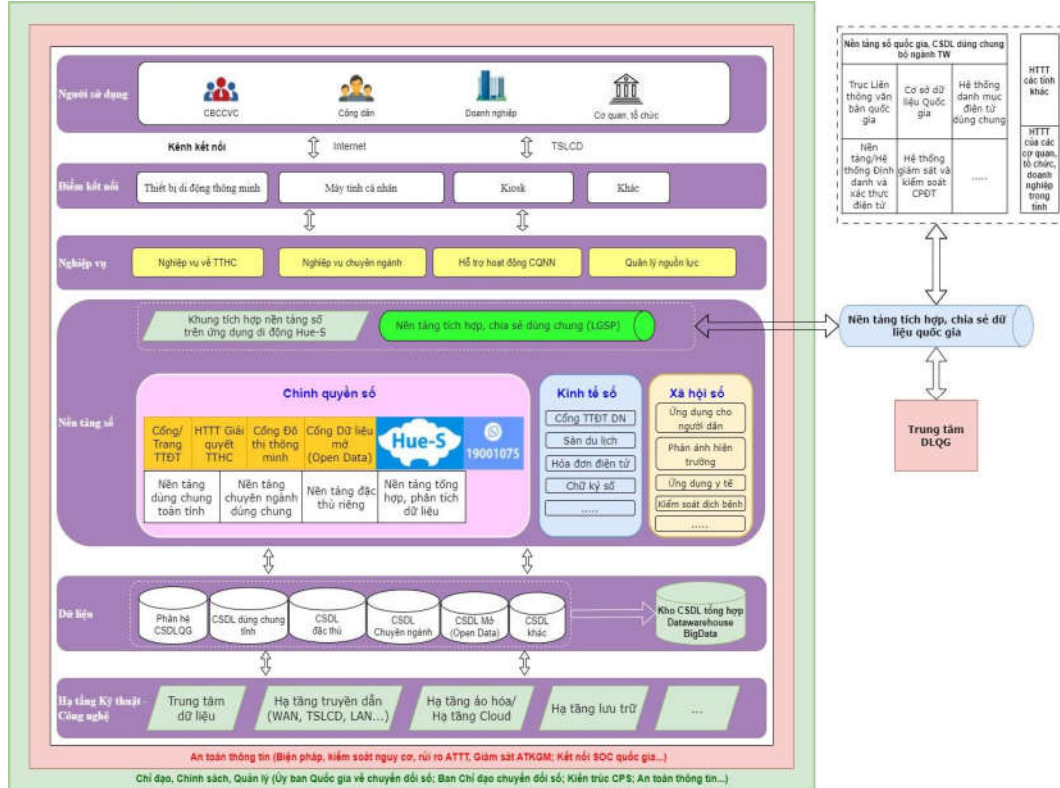
*Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy
Thừa Thiên Huế về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025; định
hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
3620/TTr-STTTT ngày 26 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kiến trúc Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế phiên bản 1.0”, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Sơ đồ tổng thể Kiến trúc Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế



1.1. Chính Quyền số

a) Người sử dụng

Người sử dụng là các tác nhân tham gia sử dụng các dịch vụ chuyển đổi số, bao gồm công dân, tổ chức, doanh nghiệp, cán bộ công chức thông qua các hệ thống kênh kết nối gồm Internet và hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) để thực hiện các dịch vụ, nghiệp vụ liên quan.

b) Kênh kết nối

Kênh kết nối là môi trường, công cụ giúp Người sử dụng tương tác với các cơ quan nhà nước để sử dụng các dịch vụ CPĐT, CPS, chuyển đổi số. Kênh kết nối gồm internet và mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD). Qua môi trường Internet, mạng TSLCD người sử dụng sử dụng các thiết bị, phương tiện để kết nối với các nền tảng số.

c) Điểm kết nối

Điểm kết nối là các thiết bị di động thông minh (điện thoại thông minh, máy tính bảng), máy tính cá nhân (máy tính bàn, laptop), các Kiosk tra cứu thông tin. Thông qua điểm kết nối người sử dụng truy cập các nền tảng chuyên số để sử dụng các công cụ, dịch vụ chuyển đổi số. Điểm kết nối liên kết người dùng với các nghiệp vụ của chính quyền (CBCCVC) và Cổng/Trang Thông tin

điện tử của tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng Đô thị thông minh, Cổng dữ liệu mở, Ứng dụng di động Hue-S, Tổng đài hỗ trợ, phản ánh dịch vụ 19001075.

d) Lớp Nghiệp vụ

Gồm các nghiệp vụ:

(1) *Thủ tục hành chính*: Nghiệp vụ chung liên quan hầu hết đến các TTHC về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, xử lý thủ tục hành chính, trình và phê duyệt kết quả thủ tục hành chính.

(2) *Chuyên ngành*: Nghiệp vụ theo các lĩnh vực chuyên ngành theo phạm vi, quyền hạn do Sở, Ban, ngành quản lý theo các lĩnh vực.

(3) *Hỗ trợ hoạt động của các CQNN*: Nghiệp vụ hỗ trợ hoạt động của các cơ quan, đơn vị của tỉnh, gồm có: Kế hoạch và ngân sách; Khoa học và công nghệ; Quản lý tài sản; Công tác quản trị; Phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin; Thu ngân sách; Thống kê.

(4) *Quản lý nguồn lực*: Nghiệp vụ hỗ trợ hoạt động của các cơ quan, đơn vị của tỉnh gồm có: Quản lý hành chính; Quản lý CNTT; Quản lý dự trữ vật tư, thiết bị; Quản lý nhân sự; Quản lý tài chính; Quản lý thông tin.

đ) Nền tảng số

Nhóm nền tảng phục vụ Chính quyền số

Cổng/ Trang Thông tin điện tử: Cổng/Trang Thông tin điện tử tỉnh là nơi cung cấp, trao đổi thông tin chính thức, có thẩm quyền và công khai trên mạng internet của tỉnh, cung cấp thông tin chính thức như nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động, kế hoạch, dự án của cơ quan phục vụ công dân, doanh nghiệp. Cổng/Trang thông tin điện tử tỉnh tích hợp toàn bộ các cổng/trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị của tỉnh.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính là điểm truy cập duy nhất để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC của Tỉnh. Hệ thống cung cấp công cụ cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến qua môi trường mạng. Ngoài ra, nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch, Hệ thống còn cung cấp tính năng theo dõi về tiến trình, nhật ký hồ sơ, ghi nhận giao dịch điện tử giúp cho người sử dụng dịch vụ công trực tiếp theo dõi, giám sát hồ sơ của mình, đồng thời qua đó tạo thành công cụ để giám sát việc triển khai dịch vụ công của các cơ quan nhà nước. Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sẽ được xác minh và cấp một tài khoản duy nhất, tài khoản này sử dụng vĩnh viễn cho việc đăng ký trực tuyến dịch vụ công đối với tất cả các dịch vụ hành chính công từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Cổng Đô thị thông minh: Cổng Đô thị thông minh là cổng thông tin duy nhất để kết nối, cung cấp dịch vụ ĐTTM và giải quyết mối quan hệ toàn diện giữa CQNN, doanh nghiệp, tổ chức, công dân trong dịch vụ ĐTTM. Cổng thông tin dịch vụ ĐTTM đang được vận hành tại địa chỉ: <https://tuongtac.thuathienhue.gov.vn>. Ngoài ra, còn được hỗ trợ các kênh tương tác khác trên nền tảng Internet như: fanpage: <https://facebook.com/HueIOC>; zalo: dịch vụ ĐTTM (0941260505); email:

dtm@thuathienhue.gov.vn; đường dây nóng: 19001075.

Công Dữ liệu mở (Open Data): Công dữ liệu mở được phát triển để tạo ra phương thức chia sẻ tài nguyên dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung với người dân, doanh nghiệp và tổ chức. Thông qua Công dữ liệu mở, người dân, doanh nghiệp và tổ chức có thể:

- Tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội.
- Sử dụng dữ liệu mở tạo ra sản phẩm giá trị mới đóng góp cho hệ sinh thái ứng dụng, tiện ích để phục vụ cho người dân tốt hơn.
- Góp phần thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, phát triển nền kinh tế số của tỉnh.
- Đóng góp dữ liệu được hình thành trong quá trình khai thác phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở của tỉnh.

Ứng dụng Hue-S

Ngoài việc cung cấp chức năng hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp, khách du lịch phản ánh toàn diện các hoạt động trên địa bàn tỉnh khi nhận thấy các vấn đề bất cập bằng cách gửi phản ánh về Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh kèm theo hình ảnh chụp hoặc quay video clip sẽ thực hiện việc tích hợp với nhiều ứng dụng nền tảng số, ứng dụng chuyển đổi số. Hue-S là siêu ứng dụng, tích hợp các tiện ích thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Là công cụ điều hành hữu hiệu của chính quyền và công cụ đắc lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

Tổng đài 19001075: Tổng đài Đô thị thông minh

e) Nền tảng vận hành

Gồm các nền tảng dùng chung toàn tỉnh, nền tảng dung chung chuyên ngành và đặc thù. Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

g) Dịch vụ tích hợp

Dịch vụ tích hợp gồm nền tảng tích hợp, chia sẻ dùng chung cấp tỉnh (LGSP) và Khung tích hợp nền tảng số trên ứng dụng di động Hue-S. Thành phần LGSP đóng vai trò là nền tảng CNTT liên cơ quan cho các Sở, ban, ngành, thành phố Huế, thị xã, huyện, cấp xã và các CQNN trực thuộc tỉnh. Với nền tảng LGSP, thông tin nghiệp vụ có thể được trao đổi theo chiều ngang và theo chiều dọc giữa CQNN các cấp trong toàn tỉnh. LGSP cũng hoạt động như một cổng nghiệp vụ, cùng với các dịch vụ chia sẻ tích hợp được kết nối vào để trao đổi thông tin giữa hệ thống CQĐT tỉnh với các Bộ/ngành, tỉnh/thành khác, hoặc với các cơ quan Đảng, hay các HTTT của doanh nghiệp, tổ chức khác bên ngoài khi cần thiết qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Các dịch vụ trên LGSP được sử dụng để hỗ trợ các ứng dụng lớp trên và CSDDL.

Khung tích hợp nền tảng số trên ứng dụng di động Hue-S:

Nhóm nền tảng phục vụ Kinh tế số, Gồm các ứng dụng: Cổng Thông tin điện tử cho doanh nghiệp; Sản du lịch; Hóa đơn điện tử; Chữ ký số ...

Nhóm nền tảng phục vụ Xã hội số, Gồm các ứng dụng cho người dân; ứng dụng phản ánh hiện trường; ứng dụng phục vụ các lĩnh vực, dịch vụ cho người dân, cho xã hội: các ứng dụng trong lĩnh vực y tế, giáo dục, kiểm soát dịch bệnh.

Dữ liệu số, gồm các loại CSDL:

- + CSDL chuyên ngành.
- + CSDL dùng chung.
- + CSDL mở.

Các CSDL này được xây dựng trong quá trình phát triển CQS và được tổng hợp trong qua trình hoạt động hình thành lên Kho dữ liệu tổng hợp của tỉnh (Datawarehouse).

h) Hạ tầng Kỹ thuật - công nghệ

Hạ tầng Kỹ thuật - công nghệ bao gồm các thành phần kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT) như máy tính, lưu trữ, hạ tầng truyền dẫn LAN, WAN, hạ tầng kỹ thuật dùng chung như Trung tâm dữ liệu,..... Phụ thuộc vào hiện trạng, nhu cầu có thể áp dụng các giải pháp công nghệ kỹ thuật tiên tiến cho phù hợp như điện toán đám mây hay các xu hướng, giải pháp lưu trữ, phân tích dữ liệu như Big Data, Data lake, Trí tuệ nhân tạo.... nhằm phục vụ hệ thống CQĐT tỉnh theo nguyên tắc tập trung, an toàn, bảo mật hiệu quả nhất.

i) Thành phần an toàn thông tin

An toàn thông tin (ATTT) là sự bảo vệ thông tin và HTTT, bảo vệ các nền tảng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin. ATTT là thành phần xuyên suốt, là điều kiện bảo đảm triển khai các thành phần của Kiến trúc Chuyển đổi số. Nội dung bảo đảm ATTT bao gồm các nội dung chính như: bảo vệ an toàn thiết bị, an toàn mạng, an toàn hệ thống, an toàn ứng dụng CNTT, an toàn dữ liệu, quản lý và giám sát. Các nội dung này cần được triển khai đồng bộ tại các cấp đáp ứng nhu cầu thực tế và xu thế phát triển công nghệ, giúp đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

k) Chỉ đạo, chính sách, quản lý

Bao gồm công tác chỉ đạo, quản lý, tổ chức, hướng dẫn, đào tạo, môi trường pháp lý, ban hành chính sách, tăng cường truyền thông nhằm bảo đảm các điều kiện triển khai các nền tảng số, các hệ thống thông tin (chính sách kết hợp với các giải pháp kỹ thuật); liên quan đến tất cả các thành phần khác thuộc kiến trúc chuyển đổi số.

l) Các hệ thống bên ngoài

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai với mục tiêu tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo hình thức kết nối tập trung và hình thức kết nối trực tiếp theo mô hình phân tán.

Trung tâm dữ liệu quốc gia

Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do nhà nước giao Bộ Công an chủ trì xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành; để phục vụ tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước nhằm hình thành kho dữ liệu lớn về con người và kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia là nền tảng cốt lõi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, đảm bảo quốc phòng an ninh. Đồng thời cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia, Nền tảng số quốc gia, CSDL dùng chung bộ ngành, trung ương

Hệ thống danh mục điện tử dùng chung: Hệ thống được xây dựng nhằm quản lý, cung cấp dữ liệu danh mục dùng chung ở dạng điện tử của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (như: Định danh các cơ quan nhà nước, mã đơn vị hành chính, mã quốc gia, mã quốc tịch, mã tôn giáo, mã ngành đào tạo, mã ngành nghề kinh doanh...) phục vụ việc quản lý, kết nối và chia sẻ một cách thống nhất trong toàn quốc.

Hệ thống giám sát và kiểm soát CPĐT, CPS: Hệ thống này để triển khai các giải pháp và công cụ hỗ trợ giám sát việc vận hành, sử dụng hệ thống thông tin một cách hiệu quả, việc tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và giám sát chất lượng dịch vụ của các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia nhằm bảo đảm các hệ thống hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối thông suốt.

CSDL quốc gia về Dân cư: CSDL quốc gia về Dân cư quản lý thống nhất trên toàn quốc thông tin cơ bản của công dân Việt Nam được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin, phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tăng cường chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước khác trên cơ sở lấy dữ liệu dân cư làm gốc, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm giấy tờ khi thực hiện các dịch vụ công.

CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp: CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đăng ký doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khởi sự doanh nghiệp và gia nhập thị trường; Hướng tới mục tiêu 100% đăng ký doanh nghiệp qua mạng; Chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ, công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, hạn chế tối đa sự can thiệp của con người trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; Công khai hóa, minh bạch hóa thông tin đăng ký doanh nghiệp giúp cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận được với các thông tin có giá trị và có tính pháp lý về đăng ký doanh nghiệp; Tăng cường chia sẻ dữ liệu với các hệ

thống thông tin của cơ quan nhà nước khác trên cơ sở lấy dữ liệu đăng ký kinh doanh làm gốc.

CSDL quốc gia về Tài chính: CSDL quốc gia về Tài chính đáp ứng nhu cầu về tiếp cận, khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ cho công tác xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, quản lý và điều hành trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế. CSDL quốc gia về Tài chính là cốt lõi, trung tâm của Hệ thống thông tin tài chính quốc gia. Thông tin dữ liệu trong CSDL quốc gia về Tài chính sẽ là kho thông tin tri thức được quản lý và khai thác hiệu quả.

CSDL quốc gia về Bảo hiểm: CSDL quốc gia về Bảo hiểm lưu trữ, quản lý dữ liệu ngành Bảo hiểm bảo đảm tính chính xác, hướng tập trung; dữ liệu được cập nhật đầy đủ bởi các đối tượng, đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Các hệ thống khác có thể kết nối, tích hợp chia sẻ thông tin với CSDL quốc gia về Bảo hiểm.

CSDL Đất đai quốc gia: CSDL Đất đai quốc gia (cơ sở dữ liệu đất đai từ Trung ương tới địa phương) phục vụ quản lý đất đai tại các cấp, cung cấp các dịch vụ công về đất đai, chia sẻ thông tin đất đai với các ngành khác. Việc triển khai được thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

CSDL quốc gia về thủ tục hành chính: Cung cấp, công khai thông tin cho người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính trong phạm vi toàn quốc; Cung cấp cho các bộ, ngành, địa phương công cụ để cập nhật (thêm mới, sửa đổi, thay thế, hủy bỏ) các quyết định công bố, thủ tục hành chính; Cung cấp công cụ phục vụ việc kiểm soát thủ tục hành chính tại Trung ương và các bộ, ngành, địa phương; từ đó đề xuất các phương án cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. CSDL quốc gia về thủ tục hành chính là một hợp phần quan trọng của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

CSDL quốc gia về An sinh xã hội: CSDL quốc gia về An sinh xã hội ứng dụng CNTT trong đăng ký, giải quyết chính sách, chi trả cho đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội kịp thời, công khai và minh bạch.

CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc: CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc theo hướng hình thành Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch với sự quản lý tập trung, thống nhất, có sự phân cấp, phân quyền hợp lý cho Ủy ban nhân dân các cấp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin vào đăng ký, quản lý hộ tịch với cấu trúc chuẩn chung tại tất cả các cơ quan đăng ký hộ tịch, đáp ứng tốt nhất yêu cầu đăng ký, quản lý hộ tịch theo Luật Hộ tịch và giải quyết thủ tục hành chính trong đăng ký hộ tịch trực tuyến, có khả năng kết nối để cung cấp thông tin hộ tịch cho CSDL quốc gia về Dân cư và CSDL chuyên ngành khác có liên quan.

CSDL quốc gia về Tài nguyên và môi trường: CSDL quốc gia về Tài nguyên và môi trường tạo ra các dịch vụ nền tảng dùng chung cho toàn hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thống nhất từ Trung ương đến địa phương nhằm khai thác, phân tích xử lý thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ và bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi

trường cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; xây dựng ngành tài nguyên và môi trường số, tạo ra các giá trị góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

CSDL về cán bộ, công chức, viên chức: Quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng và lưu trữ CSDL cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống cơ quan nhà nước các cấp đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với các CSDL quốc gia ở các lĩnh vực khác, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử. Góp phần minh bạch hóa quy trình quản lý cán bộ, công chức, viên chức; là một trong những công cụ có hiệu quả để phòng, chống tham nhũng trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

CSDL quốc gia về quy hoạch: CSDL quốc gia về quy hoạch với mục tiêu: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc chia sẻ, quản lý và cập nhật thông tin và dữ liệu quốc gia về quy hoạch nhằm bảo đảm tính tích hợp, thống nhất của sản phẩm quy hoạch tránh lãng phí trong thu thập, xử lý dữ liệu; Phục vụ việc triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 của các bộ, ngành và địa phương; Phục vụ cho việc giám sát, đánh giá các hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch; Tăng tính công khai, minh bạch và phục vụ việc xúc tiến đầu tư trong tương lai và là kênh thông tin để công bố quy hoạch.

CSDL quốc gia về các dự án đầu tư: CSDL quốc gia về các dự án đầu tư hỗ trợ công tác theo dõi, giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước; Hỗ trợ công tác quản lý, lập kế hoạch, tổng hợp, rà soát và giao kế hoạch đầu tư công; Công khai, minh bạch hóa thông tin về đầu tư công, các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: Thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng.

Kho dữ liệu về con người: Kho dữ liệu về con người với dữ liệu được Bộ Công an tổng hợp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương trong các lĩnh vực xã hội; từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung và kho dữ liệu mở.

- Dữ liệu về con người bao gồm tối thiểu các thành phần:

+ Dữ liệu định danh cá nhân công dân: bao gồm các loại giấy tờ tùy thân; thông tin cá nhân (địa chỉ, ngày sinh); dữ liệu y tế; dữ liệu sinh trắc; dữ liệu ADN; dữ liệu việc làm, dữ liệu học bạ cá nhân, ...

+ Dữ liệu được thu thập từ kết quả tổng hợp, phân tích và khai thác dữ liệu của công dân.

- Dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương vẫn được lưu trữ, xử lý tại hệ thống Trung tâm dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương theo yêu cầu riêng, phục vụ các mặt công tác quản lý nhà nước của các đơn vị.

Kho dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia: Kho dữ liệu lớn tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia hay còn gọi là Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

gồm các trường thông tin được đồng bộ từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia (chỉ có các trường thông tin, không bao gồm dữ liệu cấu hình, dữ liệu nhật ký hệ thống) và các trường thông tin liên quan đến con người từ các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương, cơ sở dữ liệu khác về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng các kho dữ liệu dùng chung (chỉ có các trường thông tin liên quan đến các hoạt động của một con người, không bao gồm các thông tin chuyên ngành mô tả thuộc tính).

m) Nền tảng định danh và xác thực điện tử

Nền tảng định danh và xác thực điện tử là hệ thống thông tin do Bộ Công an tổ chức xây dựng, vận hành, quản lý để phục vụ việc trao đổi thông tin giữa hệ thống định danh và xác thực điện tử với hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức, cá nhân.

n) Hệ thống định danh và xác thực điện tử

Hệ thống định danh và xác thực điện tử là hệ thống thông tin do Bộ Công an xây dựng, quản lý để thực hiện đăng ký, tạo lập, quản lý tài khoản định danh điện tử và thực hiện xác thực điện tử. Hệ thống này xử lý các yêu cầu đăng ký, cấp, quản lý định danh điện tử và xác thực điện tử.

Các bộ, ngành, địa phương kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Các bộ, ngành, địa phương kết nối cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, nghiệp vụ chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia phục vụ xử lý nghiệp vụ chuyên ngành, làm giàu dữ liệu dân cư.

Việc kết nối giữa CSDLQG về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử với các Bộ, ngành, địa phương sẽ được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

1.2. Kinh tế số

Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế.

Kinh tế số bao gồm: Kinh tế số ICT là công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông; kinh tế số nền tảng là hoạt động kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng; kinh tế số ngành là hoạt động kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực.

Kinh tế số đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử; logistics; thanh toán không dùng tiền mặt; số hóa nghiệp vụ của doanh nghiệp; triển khai các nền tảng số phù hợp nhằm đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.3. Xã hội số

Xã hội số là xã hội tích hợp công nghệ số một cách tự nhiên và mặc định

vào mọi mặt đời sống, người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hóa số.

Các đặc trưng cơ bản của xã hội số bao gồm: Công dân số, kết nối số và văn hóa số. Công dân số được đặc trưng bởi danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số. Kết nối số được đặc trưng bởi khả năng kết nối mạng của người dân, bao gồm tỷ lệ dân được phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng và tỷ lệ người dùng Internet. Văn hóa số được đặc trưng bởi mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mức độ sử dụng dịch vụ số trên mạng, mức độ sử dụng các dịch vụ y tế số, giáo dục số của người dân.

Xã hội số hướng tới việc phổ cập sử dụng điện thoại thông minh, internet tốc độ cao 4G, 5G; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số; số hóa nghiệp vụ giáo dục, y tế; đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến; nâng cao tỷ lệ sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt.

(Kiến trúc Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế phiên bản 1.0 chi tiết đính kèm)

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn đến 2025

- Năm 2024: Tiếp tục nâng cấp, mở rộng các hạng mục, nền tảng số để đáp ứng kịp thời các yêu cầu, quy định của Trung ương cũng như nhu cầu vận hành thực tiễn tại tỉnh.

- Năm 2025: Tập trung đầu tư các hạng mục còn lại nhằm duy trì các chỉ số đánh giá chuyển đổi số quốc gia cũng như phát huy hiệu quả của các nền tảng số đã đầu tư.

b) Giai đoạn 2026 – 2030

- Hoàn thiện một cách toàn diện quy chế phối hợp, vận hành các nền tảng chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ ĐTTM, chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Khảo sát đánh giá quá trình vận hành của các CQNN, nhu cầu của người dân, toàn xã hội để định hướng phát triển các nền tảng, dịch vụ ĐTTM, chuyển đổi số trong giai đoạn tới phù hợp với thực tiễn.

- Hoàn thiện các chính sách, quy định để tiếp tục thu hút các doanh nghiệp tham gia cung cấp các dịch vụ ĐTTM, chuyển đổi số; đồng thời đảm bảo nguồn thu ổn định từ việc cung cấp các dịch vụ ĐTTM, chuyển đổi số phục vụ vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành ĐTTM.

- Triển khai áp dụng các giải pháp, công nghệ mới vào các kết quả triển khai giai đoạn 2023 - 2025.

- Đánh giá, phân tích rút kinh nghiệm, xây dựng Kiến trúc chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn tiếp theo.

2.2. Trách nhiệm của các đơn vị

a) Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu cho UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án CNTT trong việc triển khai chuyển đổi số với chức năng là cơ quan quản lý ngành, đảm bảo sự đồng bộ của toàn bộ hệ thống.

Chủ trì xây dựng cơ chế, kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức thực hiện triển khai chuyển đổi số; hàng năm xây dựng, trình UBND tỉnh kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn, phù hợp với Kiến trúc này; sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch hàng năm theo yêu cầu của tỉnh. Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ và sự hỗ trợ, tăng cường năng lực quản lý, ứng dụng và phát triển CNTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT trong triển khai chuyển đổi số của mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế xã hội.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án triển khai chuyển đổi số xem xét, phê duyệt.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai trên địa bàn tỉnh các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực CNTT.

b) Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ưu tiên bố trí kinh phí cho các chương trình, dự án triển khai chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp kế hoạch triển khai các dự án triển khai chuyển đổi số. Cân đối và huy động các nguồn vốn để đảm bảo kinh phí thực hiện Kiến trúc, đặc biệt là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các dự án triển khai chuyển đổi số; tổ chức triển khai các biện pháp nhằm tập trung các nguồn lực, thu hút mạnh mẽ đầu tư trong và ngoài nước để đầu tư, phát triển công nghiệp CNTT.

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách linh hoạt khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực triển khai chuyển đổi số.

c) Các sở, ban, ngành liên quan

Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị khác chủ trì, thực hiện các dự án triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực mình phụ trách. Chú trọng đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo sự kết nối, và chia sẻ số liệu. Triển khai dự án được duyệt theo đúng tiến độ.

d) Các UBND huyện, thị xã, thành phố

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh.

Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng, thực hiện các dự án triển khai chuyển đổi số trên địa bàn theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP và CV;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương